

THÔNG BÁO
Về việc mời Nhà cung cấp nộp Hồ sơ đề xuất

Kính gửi: Các Nhà cung cấp quan tâm.

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang đang có nhu cầu mua sắm gói trang phục chuyên môn cho viên chức, người lao động năm 2026.

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang trân trọng kính mời các cơ sở, nhà cung cấp có đủ năng lực, kinh nghiệm tham gia chào giá cho các mặt hàng theo danh mục dưới đây:

1. Tên, địa chỉ của bên mua

- a) Đơn vị mua: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang.
b) Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.
c) Điện thoại: 02733 887 160
d) Mã số thuế: 1200530091

2. Danh mục hàng hoá cần mua:

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
1	Trang phục hành chính	Bộ	60	a) Áo - Màu sắc: Màu trắng hoặc màu sáng; - Chất liệu: Kate bambo cao cấp; - Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. - Vải áo trung bình: 1,6 mét Thông số trung bình áo: - Dài áo: 73 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 60 cm - Mông: 97 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 107,8 (±1). + Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): 472 (±1) x 316 (±1) + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4-5 + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 100%. b) Quần - Màu sắc: Màu đen, xanh đen hoặc màu sậm

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Cashmere - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Vải quần trung bình: 1,1 mét Thông số trung bình quần: - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 285,1 (±1). + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 735(±1) x 336(±1) + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): chiều dọc (-0,4) (±0,1), chiều ngang (-0,5) (±0,1). + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4-5 + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 77,8 (±1) %; Rayon: 19,5 (±1) %; Spandex: 2,7 (±1) %. - Đối với nữ: chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối. - Màu sắc: Màu đen, xanh đen hoặc màu sậm - Chất liệu: Cashmere Thông số trung bình váy hành chính nữ: - Dài váy: 65 cm - Lưng: 76 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 285,1 (±1). + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 735(±1) x 336(±1) + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): chiều dọc (-0,4) (±0,1), chiều ngang (-0,5) (±0,1). + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4-5 + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 77,8 (±1) %; Rayon: 19,5 (±1) %; Spandex: 2,7 (±1) %.
2	Trang phục bảo vệ	Bộ	06	<p>a) Áo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh hòa bình; - Chất liệu: Kate ford - Kiểu dáng: Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Thêu logo BVPSTG bên ngực trái. - Vải áo trung bình: 1,7 mét Thông số trung bình áo bảo vệ: - Dài áo: 73 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 23 cm

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
				<p>- Mông: 97 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M2): 166,3 (± 1)</p> <p>+ Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (± 1) x 272 (± 1)</p> <p>+ Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5</p> <p>+ Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 65,7 (± 1) %; Cotton: 34,3 (± 1) %</p> <p>+ Hàm lượng Formaldehyde (PPM): Không phát hiện</p> <p>b) Quần</p> <p>- Màu sắc: Màu xanh đen;</p> <p>- Chất liệu: Kaki loại I</p> <p>- Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau.</p> <p>- Vải quần trung bình: 1,1 mét</p> <p>Thông số trung bình quần bảo vệ:</p> <p>- Dài quần: 97 cm</p> <p>- Lưng: 78 cm</p> <p>- Mông: 97 cm</p> <p>- Đùi: 55 cm</p> <p>- Đáy: 62 cm</p> <p>- Ống: 18 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M2): 313,2 (± 1).</p> <p>+ Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 740 (± 1) x 356 (± 1)</p> <p>+ Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (dọc x ngang): 888/S (± 1) x 894/Z (± 1)</p> <p>+ Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) (dọc x ngang): 22,5 (± 1) x 24,8 (± 1)</p> <p>+ Độ bền xé rách (N) (dọc x ngang): 105,7 (± 1) x 32,6 (± 1)</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%) (dọc x ngang): (-0,2) (± 1) x (-1,0) (± 1)</p> <p>c) Nón: kiểu kê pi màu xanh đen</p>
3	Trang phục bảo trì, tài xế	Bộ	14	<p>a) Áo</p> <p>- Màu sắc: Màu xanh đen;</p> <p>- Chất liệu: Kate Nhật</p> <p>- Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ đức, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái.</p> <p>- Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>- Vải áo trung bình: 1,7 mét</p> <p>Thông số trung bình áo:</p> <p>- Dài áo: 73 cm</p> <p>- Ngang vai: 42 cm</p> <p>- Ngực: 87 cm</p> <p>- Dài tay: 53 cm</p> <p>- Mông: 97 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p>

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
				<p>+ Khối lượng vải (G/M2): 172,2 (± 1).</p> <p>+ Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (± 1) x 283 (± 1)</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): chiều dọc (-0,7) ($\pm 0,1$), chiều ngang (-0,6) ($\pm 0,1$).</p> <p>+ Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4-5</p> <p>+ Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 68,5 (± 1) %; Cotton 31,5 (± 1) %.</p> <p>b) Quần</p> <p>- Màu sắc: Màu xanh đen;</p> <p>- Chất liệu: Kaki loại I</p> <p>- Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau.</p> <p>- Vải quần trung bình: 1,1 mét</p> <p>Thông số trung bình quần:</p> <p>- Dài quần: 97 cm</p> <p>- Lưng: 78 cm</p> <p>- Mông: 97 cm</p> <p>- Đùi: 55 cm</p> <p>- Đáy: 62 cm</p> <p>- Ống: 18 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M2): 313,2 (± 1).</p> <p>+ Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 740 (± 1) x 356 (± 1)</p> <p>+ Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (dọc x ngang): 888/S (± 1) x 894/Z (± 1)</p> <p>+ Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) (dọc x ngang): 22,5 (± 1) x 24,8 (± 1)</p> <p>+ Độ bền xé rách (N) (dọc x ngang): 105,7 (± 1) x 32,6 (± 1)</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%) (dọc x ngang): (-0,2) (± 1) x (-1,0) (± 1)</p>
4	Trang phục bác sĩ	Bộ	82	<p>a) Áo Blouse:</p> <p>- Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>- Chất liệu: Kaki thun;</p> <p>- Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông.</p> <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>- Vải trung bình: 2,4 mét</p> <p>Thông số áo trung bình:</p> <p>- Dài áo: 96 cm</p> <p>- Ngang vai: 42 cm</p> <p>- Ngực: 87 cm</p> <p>- Dài tay: 53 cm</p> <p>- Mông: 97 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (± 1)</p>

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
				<p>+ Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (± 1), ngang: 337 (± 1).</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) ($\pm 0,1$), chiều ngang (-0,1) ($\pm 0,1$).</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5.</p> <p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (± 1); Rayon 21,9 (± 1); Spandex 2,5 (± 1)</p> <p>b) Quần:</p> <p>+ Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>+ Chất liệu: Kaki thun;</p> <p>+ Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>Thông số trung bình quần:</p> <p>- Dài quần: 97 cm</p> <p>- Lưng: 78 cm</p> <p>- Mông: 97 cm</p> <p>- Đùi: 55 cm</p> <p>- Đáy: 62 cm</p> <p>- Ống: 18 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (± 1)</p> <p>+ Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (± 1), ngang: 337 (± 1).</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) ($\pm 0,1$), chiều ngang (-0,1) ($\pm 0,1$).</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5.</p> <p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (± 1); Rayon 21,9 (± 1); Spandex 2,5 (± 1)</p> <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>
5	Trang phục Kỹ thuật viên, Cử nhân Hộ sinh, Cử nhân Điều dưỡng, Công tác xã hội	Bộ	89	<p>a) Áo</p> <p>- Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>- Chất liệu: Kaki thun;</p> <p>- Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái.</p> <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>- Vải áo trung bình: 1,7 mét</p> <p>Thông số trung bình áo</p> <p>- Dài áo: 86 cm</p> <p>- Ngang vai: 42 cm</p> <p>- Ngực: 87 cm</p> <p>- Dài tay: 53 cm</p> <p>- Mông: 97 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (± 1)</p> <p>+ Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (± 1), ngang: 337 (± 1).</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) ($\pm 0,1$), chiều ngang (-0,1) ($\pm 0,1$).</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5.</p>

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
				<p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1)</p> <p>b) Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Vải quần trung bình: 1,1 mét <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. <p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1)</p> <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>
6	Trang phục Cao đẳng Hộ sinh, Cao đẳng Điều dưỡng, Hộ sinh trung học	Bộ	73	<p>a) Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: <p>+ Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay hoặc dài tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái;</p> <p>+ Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm.</p> <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vải áo trung bình: 1,7 mét <p>Thông số trung bình áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 72 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 23 cm - Mông: 97 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5.

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
				<p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1)</p> <p>b) Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo - Vải quần trung bình: 1,1 mét <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. <p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1)</p> <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>
7	Trang phục được sử	Bộ	20	<p>a) Áo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vải áo trung bình: 2,2 mét <p>Thông số trung bình áo Được:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 96 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 53 cm - Mông: 97 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. <p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1)</p> <p>b) Quần</p>

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Vải quần trung bình: 1,1 mét Thông số trung bình quần Dệt sớ: - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.
8	Trang phục Khu vực phẫu thuật gây mê hồi sức, trung tâm tiết khuẩn	Bộ	42	<ul style="list-style-type: none"> Vải trung bình một bộ: 2,6 mét a) Áo: - Màu sắc: Màu xanh cổ vịt; - Chất liệu: Cotton lạnh loại I; - Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Thêu logo BVPSTG bên ngực trái. Thông số trung bình mặc bên trong áo: - Dài áo: 70 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 23 cm - Mông: 97 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M²): 252,7 (±1) + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 495 (±1) x 380 (±1) + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-0,3) (±0,1), chiều ngang (0,0) (±0,1). b) Quần: - Màu sắc: Xanh cổ vịt; - Chất liệu: Cotton lạnh - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Thông số trung bình quần: - Dài quần: 97 cm

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
				<ul style="list-style-type: none"> - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M²): 252,7 (±1) + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 495 (±1) x 380 (±1) + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-0,3) (±0,1), chiều ngang (0,0) (±0,1). <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>
9	Trang phục dinh dưỡng	Bộ	02	<p>Vải trung bình một bộ: 2,6 mét</p> <p>a) Áo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Áo cổ chữ U, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. <p>Thông số trung bình áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 70 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 53 cm - Mông: 97 cm <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>b) Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
				<p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>
10	Trang phục nhà giặt	Bộ	18	<p>Vải trung bình một bộ: 2,6 mét</p> <p>a) Áo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh hòa bình; - Chất liệu: Kate Ford. - Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông; phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>Thông số trung bình áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 70 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 53 cm - Hông: 97 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 166,3 (±1) + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (±1) x 272 (±1) + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5 + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 65,7 (±1) %; Cotton: 34,3 (±1) % + Hàm lượng Formaldehyde (PPM): Không phát hiện <p>b) Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh hòa bình; - Chất liệu: Kate Ford. - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Hông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Óng: 18 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 166,3 (±1) + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (±1) x 272 (±1) + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản
				+ Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 65,7 (± 1) %; Cotton: 34,3 (± 1) % + Hàm lượng Formaldehyde (PPM): Không phát hiện c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.
Tổng cộng		Bộ	406	

- Lưu ý đối với Nhà cung cấp:

+ Đề đảm bảo trang phục vừa vặn và thẩm mỹ cho nhân viên y tế trong quá trình làm việc, đơn vị được lựa chọn cung cấp có trách nhiệm phải cử nhân sự trực tiếp đến Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang để tiến hành đo kích thước cụ thể cho từng nhân viên theo danh sách bệnh viện cung cấp.

+ Chi phí cho việc đến đo thực tế phải được tính trọn gói trong giá hồ sơ đề xuất (báo giá), bệnh viện không thanh toán thêm bất kỳ chi phí phát sinh nào ngoài hợp đồng.

3. Yêu cầu đối với nhà cung cấp

- a) Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp lệ (bản sao y).
- b) Có mã số thuế và đang hoạt động theo quy định của pháp luật.
- c) Có khả năng cung cấp đầy đủ, đúng tiến độ và chất lượng toàn bộ các mặt hàng nêu tại mục 2.
- d) Báo giá phải được trình bày rõ ràng, có chữ ký của người đại diện hợp pháp và đóng dấu của công ty.

e) Có kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự:

- Cung cấp tối thiểu 01–03 hợp đồng tương tự (cung cấp hàng hóa cùng nhóm hàng) đã thực hiện;
- Hoặc Quyết định trúng thầu/mua sắm tương tự;
- Hoặc hóa đơn chứng minh đã cung cấp thực tế.

4. Hồ sơ đề xuất bao gồm:

- a) Báo giá chi tiết (trong đó phải có thời hạn tối thiểu 30 ngày).
- b) Hồ sơ năng lực.
- c) Hợp đồng tương tự (*NCC phải cung cấp hợp đồng tương tự/ hóa đơn/ quyết định trúng thầu để chứng minh*).
- d) Tài liệu kỹ thuật.
- đ) Cam kết tiến độ giao hàng và bảo hành.
- e) Các tài liệu khác liên quan đến mua sắm này.

Hồ sơ đề xuất quy định tại mục này là căn cứ để đánh giá theo các tiêu chí quy định tại Mục 6 Thông báo này. Nhà cung cấp chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các tài liệu trong hồ sơ đề xuất.

Hồ sơ không hợp lệ, không đầy đủ hoặc nộp sau thời hạn đã quy định trong Thông báo này sẽ không được xem xét.

5. Nguyên tắc lựa chọn nhà cung cấp

Việc lựa chọn nhà cung cấp được thực hiện trên cơ sở hiệu quả tổng thể của phương án cung cấp, bao gồm giá, chất lượng, năng lực và khả năng thực hiện; Bệnh viện không có nghĩa vụ lựa chọn Nhà cung cấp có giá thấp nhất.

Việc đánh giá chi tiết các nội dung trên thực hiện theo tiêu chí tại Mục 6 của Thông báo này.

6. Tiêu chí đánh giá hồ sơ đề xuất

Việc đánh giá hồ sơ đề xuất của Nhà cung cấp được thực hiện trên cơ sở hiệu quả tổng thể của phương án cung cấp, bao gồm các tiêu chí sau:

6.1. Nguyên tắc đánh giá

a) Việc đánh giá được thực hiện theo nguyên tắc toàn diện, khách quan, minh bạch, trên cơ sở so sánh tổng hợp các yếu tố: giá, chất lượng, năng lực và khả năng cung cấp;

b) Không lựa chọn Nhà cung cấp chỉ dựa trên tiêu chí giá thấp nhất;

c) Hồ sơ đề xuất phải đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của Thông báo này mới được đưa vào đánh giá;

d) Việc đánh giá phải được lập thành tài liệu hoặc bảng tổng hợp để phục vụ công tác kiểm tra, giải trình khi cần thiết.

6.2. Tiêu chí đánh giá cụ thể

a) Năng lực pháp lý (Điều kiện tiên quyết)

- Có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hợp lệ;
- Có ngành nghề phù hợp với nội dung cung cấp;
- Không đang trong tình trạng ngừng hoạt động, bị giải thể hoặc vi phạm pháp luật;

Lưu ý: Nhà cung cấp không đáp ứng tiêu chí này bị loại ngay.

b) Năng lực và kinh nghiệm (*tối đa 20 điểm*)

- Kinh nghiệm cung cấp hàng hóa/dịch vụ tương tự (chứng minh bằng hợp đồng, quyết định trúng thầu, hóa đơn...);

- Uy tín, năng lực tổ chức thực hiện (biên bản thanh lý hợp đồng, văn bản chứng minh đã thực hiện hoàn thành hợp đồng);

- Hồ sơ năng lực rõ ràng, đầy đủ;

c) Yêu cầu kỹ thuật và chất lượng (*tối đa 20 điểm*)

- Mức độ đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo hồ sơ mời;
- Chất lượng, tiêu chuẩn, xuất xứ (nếu có);
- Tính phù hợp với nhu cầu sử dụng thực tế của Bệnh viện;

d) Khả năng cung cấp (*tối đa 20 điểm*)

- Khả năng cung cấp thực tế tại thời điểm mua sắm;
- Tiến độ giao hàng/ thực hiện (bản cam kết hoặc hình thức cụ thể khác);
- Khả năng xử lý tình huống phát sinh;

Nhà cung cấp phải chứng minh khả năng cung cấp bằng tài liệu thực tế; không chỉ dựa trên cam kết.

Lưu ý: Không lựa chọn nhà cung cấp chỉ có báo giá nhưng không bảo đảm khả năng cung cấp thực tế.

đ) Giá và hiệu quả kinh tế (*tối đa 40 điểm*)

- Mức giá phù hợp với mặt bằng thị trường;
- Tính hợp lý của cấu thành giá;
- Hiệu quả tổng thể (giá đi kèm chất lượng và khả năng thực hiện).

Cách tính điểm giá của gói mua sắm được minh họa bằng cách tính của ví dụ sau đây:

Ví dụ: Có 03 nhà cung cấp (NCC) báo giá trọn gói gồm: NCC A báo giá 100 triệu đồng, NCC B báo giá 120 triệu đồng, NCC C báo giá 90 triệu đồng. Điểm của các NCC được tính như sau:

- NCC A = $90 \text{ triệu} / 100 \text{ triệu} \times 40 \text{ điểm} = 36 \text{ điểm}$;
- NCC B = $90 \text{ triệu} / 120 \text{ triệu} \times 40 \text{ điểm} = 30 \text{ điểm}$;
- NCC C = $90 \text{ triệu} / 90 \text{ triệu} \times 40 \text{ điểm} = 40 \text{ điểm}$.

Lưu ý: Giá được xem xét là một trong các yếu tố, không phải yếu tố quyết định duy nhất.

6.3. Phương pháp đánh giá

a) Tổng điểm đánh giá là 100 điểm;

b) Nhà cung cấp được xem xét lựa chọn là Nhà cung cấp:

- Đáp ứng đầy đủ điều kiện tiên quyết;
- Có tổng điểm đánh giá cao nhất;
- Có phương án cung cấp khả thi và hiệu quả;

c) Trường hợp điểm đánh giá tương đương, ưu tiên Nhà cung cấp có:

- Khả năng cung cấp tốt hơn;

- Kinh nghiệm phù hợp hơn;
- Điều kiện thực hiện thuận lợi hơn;

d) Trường hợp chỉ có 01 Nhà cung cấp tham gia:

- Vẫn được xem xét lựa chọn nếu đáp ứng yêu cầu;
- Phải có đánh giá và giải trình về tính hợp lý của giá và khả năng cung cấp.

đ) Việc lựa chọn nhà cung cấp theo Thông báo này phải có căn cứ rõ ràng và được thể hiện trong hồ sơ mua sắm. Kết quả đánh giá là căn cứ duy nhất để trình phê duyệt lựa chọn nhà cung cấp.

6.4. Yêu cầu về tài liệu chứng minh:

Các tài liệu quy định tại Mục 4 Thông báo này là cơ sở để chấm điểm theo các tiêu chí tại Mục 6. Nhà cung cấp chịu trách nhiệm về tính hợp pháp của tài liệu chứng minh; trường hợp phát hiện sai lệch, hồ sơ có thể bị loại và xử lý theo quy định của Bệnh viện.

Nhà cung cấp phải cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh cho các nội dung trong hồ sơ đề xuất, bao gồm (nếu có):

- a) Hợp đồng tương tự;
- b) Hóa đơn, chứng từ;
- c) Tài liệu kỹ thuật, catalogue;
- d) Tài liệu chứng minh năng lực;

Trường hợp không cung cấp đầy đủ tài liệu chứng minh, nội dung tương ứng có thể không được tính điểm.

7. Thời hạn và địa điểm nhận Hồ sơ đề xuất

a) Thời hạn nộp: ***Trước 11 giờ, ngày 03 tháng 7 năm 2026.***

b) Hình thức nộp: Trực tiếp.

c) Hồ sơ đề xuất phải được dán kín và niêm phong.

d) Địa điểm nhận hồ sơ: Phòng Tổ chức - Hành chính, Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang. Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

Lưu ý:

- Nhà cung cấp được nộp hồ sơ bổ sung nhưng phải trước thời hạn;
- Các Hồ sơ đề xuất nộp sau thời hạn trên sẽ không được xem xét.

8. Trường hợp không đạt

Trường hợp không có Nhà cung cấp nào đáp ứng điều kiện tiên quyết hoặc không đạt yêu cầu theo tiêu chí đánh giá, đơn vị mua sắm báo cáo Giám đốc Bệnh viện xem xét, quyết định một trong các phương án sau:

- a) Tổ chức phát hành lại Thông báo mời Nhà cung cấp;

b) Rà soát, điều chỉnh yêu cầu kỹ thuật hoặc điều kiện cung cấp cho phù hợp thực tế;

c) Trường hợp hàng hóa, dịch vụ có tính đặc thù, tương thích hoặc thực tế chỉ có một nhà cung cấp đáp ứng, xem xét áp dụng quy trình tại Điều 15 của Quy định này;

d) Các phương án xử lý khác theo quyết định của người có thẩm quyền, bảo đảm tuân thủ quy định và chịu trách nhiệm về quyết định.

9. Trách nhiệm đối việc mua sắm gói mua sắm này

Tùy kết quả khảo sát giá và thị trường; tùy kết quả thẩm định và kiến nghị đề xuất của các đơn vị trong Bệnh viện. Giám đốc Bệnh viện căn cứ trên thực tế hồ sơ, kết quả thẩm định, nhu cầu của Bệnh và thực tiễn của thị trường, quyết định mua, quyết định chọn nhà cung cấp nào hoặc hủy việc mua sắm gói này.

Các nhà cung cấp có nộp hồ sơ đề xuất không được quyền khiếu nại, tố cáo Giám đốc Bệnh viện, nếu không có dấu hiệu vi phạm pháp luật.

Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang mong nhận được sự quan tâm của các nhà cung cấp có năng lực cung ứng hàng hóa nêu trong Thông báo này.

Trân trọng thông báo./.

Đính kèm Dự thảo hợp đồng mua bán.

Nơi nhận:

- Phổ biến rộng rãi;
- Trang web BV;
- Các trang mạng XH;
- Khoa, phòng;
- Lưu: VT.

GIÁM ĐỐC

[TÊN CÔNG TY CỦA NHÀ CUNG CẤP] CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CUNG CẤP Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: /.....

[Địa danh], ngày tháng năm 2026

V/v nộp hồ sơ đề xuất và báo giá cung cấp trang phục chuyên môn cho nhân viên bệnh viện.

Kính gửi: Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang

(Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp)

Căn cứ Thông báo mời nộp Hồ sơ đề xuất số /TB-BVPSTG ngày ... /6/2026 của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang về việc mua sắm trang phục chuyên môn cho nhân viên Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang năm 2026.

[Tên Nhà cung cấp] đã nghiên cứu kỹ các yêu cầu về kỹ thuật, số lượng và các điều kiện mua sắm của Quý Bệnh viện. Bằng văn bản này, chúng tôi xin chính thức nộp hồ sơ tham gia cung cấp hàng hóa với các nội dung chi tiết như sau:

I. DANH MỤC TÀI LIỆU CHỨNG MINH NĂNG LỰC VÀ PHÁP LÝ

(Kèm theo bản sao trong túi hồ sơ này)

1. Về tư cách pháp nhân:

a) Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:do cấp ngày ... /... /....

b) Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất, kinh doanh

2. Về năng lực tài chính và thực hiện thuế:

Văn bản xác nhận của cơ quan thuế về việc hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế tính đến hết quý I/2026.

3. Về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự:

Chúng tôi gửi kèm ... Hợp đồng tương tự đã thực hiện cung cấp cho các đơn vị (Bệnh viện ..., Trung tâm y tế ..., cơ quan, ban, ngành, đoàn thể....).

Kèm theo biên bản nghiệm thu, thanh lý hợp đồng và hóa đơn tài chính hợp lệ để chứng minh năng lực triển khai thực tế của đơn vị.

II. ĐỀ XUẤT VỀ KỸ THUẬT VÀ GIÁ CẢ

1. Cam kết về đặc tính kỹ thuật

Chúng tôi cam kết cung cấp hàng hóa mới 100%, đúng quy cách kỹ thuật theo yêu cầu của Quý Bệnh viện nêu tại Thông báo số /TB-BVPSTG ngày ... /... /2026 về việc mời nhà cung cấp nộp hồ sơ đề xuất.

2. Về báo giá hàng hóa chúng tôi báo như sau:

(Nhà cung cấp phải rà soát lại Bảng dưới đây so với Thông báo)

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Trang phục hành chính	Bộ	60	<p>a) Áo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng hoặc màu sáng; - Chất liệu: Kate bambo cao cấp; - Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đứ, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. - Vải áo trung bình: 1,6 mét <p>Thông số trung bình áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 73 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 60 cm - Mông: 97 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M2): 107,8 (±1). + Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): 472 (±1) x 316 (±1) + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4-5 + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 100%. <p>b) Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu đen, xanh đen hoặc màu sậm - Chất liệu: Cashmere - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Vải quần trung bình: 1,1 mét <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M2): 285,1 (±1). + Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): 735(±1) x 336(±1) + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (đọc x ngang): chiều dọc (-0,4) (±0,1), chiều ngang (-0,5) (±0,1). 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>+ Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4-5</p> <p>+ Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 77,8 (±1) %; Rayon: 19,5 (±1) %; Spandex: 2,7 (±1) %.</p> <p>- Đối với nữ: chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối.</p> <p>- Màu sắc: Màu đen, xanh đen hoặc màu sậm</p> <p>- Chất liệu: Cashmere</p> <p>Thông số trung bình váy hành chính nữ:</p> <p>- Dài váy: 65 cm</p> <p>- Lưng: 76 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M2): 285,1 (±1).</p> <p>+ Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): 735(±1) x 336(±1)</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (đọc x ngang): chiều dọc (-0,4) (±0,1), chiều ngang (-0,5) (±0,1).</p> <p>+ Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4-5</p> <p>+ Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 77,8 (±1) %; Rayon: 19,5 (±1) %; Spandex: 2,7 (±1) %.</p>		
2	Trang phục bảo vệ	Bộ	06	<p>a) Áo</p> <p>- Màu sắc: Màu xanh hòa bình;</p> <p>- Chất liệu: Kate ford</p> <p>- Kiểu dáng: Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biên tên trên ngực trái.</p> <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>- Vải áo trung bình: 1,7 mét</p> <p>Thông số trung bình áo bảo vệ:</p> <p>- Dài áo: 73 cm</p> <p>- Ngang vai: 42 cm</p> <p>- Ngực: 87 cm</p> <p>- Dài tay: 23 cm</p> <p>- Mông: 97 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M2): 166,3 (±1)</p> <p>+ Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (±1) x 272 (±1)</p> <p>+ Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5</p>		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>+ Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 65,7 (±1) %; Cotton: 34,3 (±1) %</p> <p>+ Hàm lượng Formaldehyde (PPM): Không phát hiện</p> <p>b) Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh đen; - Chất liệu: Kaki loại I - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Vải quần trung bình: 1,1 mét <p>Thông số trung bình quần bảo vệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M2): 313,2 (±1). + Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): 740 (±1) x 356 (±1) + Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (đọc x ngang): 888/S (±1) x 894/Z (±1) + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) (đọc x ngang): 22,5 (±1) x 24,8 (±1) + Độ bền xé rách (N) (đọc x ngang): 105,7 (±1) x 32,6 (±1) + Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%) (đọc x ngang): (-0,2) (±1) x (-1,0) (±1) <p>c) Nón: kiểu kê pi màu xanh đen</p>		
3	Trang phục bảo trì, tài xế	Bộ	14	<p>a) Áo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh đen; - Chất liệu: Kate Nhật - Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ đứ, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. - Thêu logo BVPSTG bên ngực trái. - Vải áo trung bình: 1,7 mét <p>Thông số trung bình áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 73 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 53 cm - Mông: 97 cm 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M2): 172,2 (±1).</p> <p>+ Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (±1) x 283 (±1)</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): chiều dọc (-0,7) (±0,1), chiều ngang (-0,6) (±0,1).</p> <p>+ Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4-5</p> <p>+ Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 68,5 (±1) %; Cotton 31,5 (±1) %.</p> <p>b) Quần</p> <p>- Màu sắc: Màu xanh đen;</p> <p>- Chất liệu: Kaki loại I</p> <p>- Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau.</p> <p>- Vải quần trung bình: 1,1 mét</p> <p>Thông số trung bình quần:</p> <p>- Dài quần: 97 cm</p> <p>- Lưng: 78 cm</p> <p>- Mông: 97 cm</p> <p>- Đùi: 55 cm</p> <p>- Đáy: 62 cm</p> <p>- Ống: 18 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M2): 313,2 (±1).</p> <p>+ Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 740 (±1) x 356 (±1)</p> <p>+ Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (dọc x ngang): 888/S (±1) x 894/Z (±1)</p> <p>+ Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) (dọc x ngang): 22,5 (±1) x 24,8 (±1)</p> <p>+ Độ bền xé rách (N) (dọc x ngang): 105,7 (±1) x 32,6 (±1)</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%) (dọc x ngang): (-0,2) (±1) x (-1,0) (±1)</p>		
4	Trang phục bác sĩ	Bộ	82	<p>a) Áo Blouse:</p> <p>- Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>- Chất liệu: Kaki thun;</p> <p>- Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>- Vải trung bình: 2,4 mét</p> <p>Thông số áo trung bình:</p>		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 96 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 53 cm - Mông: 97 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) b) Quần: + Màu sắc: Màu trắng; + Chất liệu: Kaki thun; + Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Thông số trung bình quần: - Dài quần: 97 cm - Lung: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Óng: 18 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo. 		
5	Trang phục Kỹ thuật viên, Cử nhân Hộ	Bộ	89	<ul style="list-style-type: none"> a) Áo - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	sinh, Cử nhân Điều dưỡng, Công tác xã hội			<p>- Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>- Vải áo trung bình: 1,7 mét</p> <p>Thông số trung bình áo</p> <p>- Dài áo: 86 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 53 cm - Hông: 97 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1)</p> <p>b) Quần</p> <p>- Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>- Vải quần trung bình: 1,1 mét</p> <p>Thông số trung bình quần:</p> <p>- Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Hông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5.</p>		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.		
6	Trang phục Cao đẳng Hộ sinh, Cao đẳng Điều dưỡng, Hộ sinh trung học	Bộ	73	<p>a) Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: <p>+ Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay hoặc dài tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái;</p> <p>+ Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm.</p> <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vải áo trung bình: 1,7 mét <p>Thông số trung bình áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 72 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 23 cm - Hông: 97 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) <p>b) Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo - Vải quần trung bình: 1,1 mét <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Hông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1)</p> <p>+ Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1).</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1).</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5.</p> <p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1)</p> <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>		
7	Trang phục được sử	Bộ	20	<p>a) Áo</p> <p>- Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>- Chất liệu: Kaki thun;</p> <p>- Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông. Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>- Vải áo trung bình: 2,2 mét</p> <p>Thông số trung bình áo Được:</p> <p>- Dài áo: 96 cm</p> <p>- Ngang vai: 42 cm</p> <p>- Ngực: 87 cm</p> <p>- Dài tay: 53 cm</p> <p>- Hông: 97 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1)</p> <p>+ Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1).</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1).</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5.</p> <p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1)</p> <p>b) Quần</p> <p>- Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>- Chất liệu: Kaki thun;</p> <p>- Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>- Vải quần trung bình: 1,1 mét</p>		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>Thông số trung bình quần Dực sĩ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lung: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>		
8	Trang phục Khu vực phẫu thuật gây mê hồi sức, trung tâm tiết khuẩn	Bộ	42	<p>Vải trung bình một bộ: 2,6 mét</p> <p>a) Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh cỏ vịt; - Chất liệu: Cotton lạnh loại I; - Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Thêu logo BVPSTG bên ngực trái. <p>Thông số trung bình mặc bên trong áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 70 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 23 cm - Mông: 97 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 252,7 (±1) + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 495 (±1) x 380 (±1) + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-0,3) (±0,1), chiều ngang (0,0) (±0,1). <p>b) Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Xanh cỏ vịt; - Chất liệu: Cotton lạnh 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>- Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau.</p> <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 252,7 (±1) + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 495 (±1) x 380 (±1) + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-0,3) (±0,1), chiều ngang (0,0) (±0,1). <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>		
9	Trang phục dinh dưỡng	Bộ	02	<p>Vải trung bình một bộ: 2,6 mét</p> <p>a) Áo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Áo cổ chữ U, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên trên ngực trái. <p>Thông số trung bình áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 70 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 53 cm - Mông: 97 cm <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p>		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>b) Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>		
10	Trang phục nhà giặt	Bộ	18	<p>Vải trung bình một bộ: 2,6 mét</p> <p>a) Áo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh hòa bình; - Chất liệu: Kate Ford. - Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông; phía trước có 2 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái. <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>Thông số trung bình áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 70 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 53 cm - Mông: 97 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 166,3 (±1) + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (±1) x 272 (±1) + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				+ Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 65,7 (±1) %; Cotton: 34,3 (±1) % + Hàm lượng Formaldehyde (PPM): Không phát hiện b) Quần - Màu sắc: Màu xanh hòa bình; - Chất liệu: Kate Ford. - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Thông số trung bình quần: - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 166,3 (±1) + Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (±1) x 272 (±1) + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5 + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 65,7 (±1) %; Cotton: 34,3 (±1) % + Hàm lượng Formaldehyde (PPM): Không phát hiện c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.		
Tổng cộng		Bộ	406			

3. Trường hợp được lựa chọn là đơn vị cung cấp, [Tên công ty] cam kết sẽ cử nhân sự có chuyên môn, kinh nghiệm đến trực tiếp Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang để tiến hành đo kích thước, thông số cụ thể cho từng nhân viên y tế theo danh sách do Bệnh viện cung cấp, đảm bảo trang phục sau khi hoàn thiện vừa vặn, đáp ứng đúng yêu cầu thẩm mỹ và thuận tiện trong hoạt động chuyên môn y tế.

4. Cam kết toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến việc cử nhân sự đến đo thực tế đã được phân bổ trọn gói và tính đầy đủ vào Giá hồ sơ đề xuất (Giá báo giá). Cam kết không phát sinh thêm bất kỳ chi phí ngoài hợp đồng nào khác đối với nội dung công việc này.

Ghi chú: Giá trên đã bao gồm thuế GTGT, chi phí đo đạc, vận chuyển, giao hàng tại Bệnh viện và các chi phí khác (nếu có).

Báo giá này có thời hạn 45 ngày kể từ ngày nộp Hồ sơ này.

III. CÁC NỘI DUNG CAM KẾT

Để khẳng định uy tín và trách nhiệm, chúng tôi xin cam kết:

1. Cam kết chất lượng vật liệu:

2. Cam kết tiến độ giao hàng: Trong vòng ngày kể từ ngày ký hợp đồng, chúng tôi sẽ bàn giao đầy đủ tại kho của Bệnh viện.

3. Cam kết bảo hành: Bảo hànhtháng.

4. Cam kết dịch vụ:

5. Cam kết hiệu lực hồ sơ: Hồ sơ đề xuất và báo giá này có giá trị hiệu lực trong vòng **45 ngày** kể từ ngày nộp văn bản này.

Chúng tôi cam đoan các thông tin và tài liệu trong hồ sơ này là hoàn toàn đúng sự thật. Rất mong nhận được sự tin tưởng và lựa chọn của Quý Bệnh viện.

Trân trọng kính chào!

**ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT
CỦA NHÀ CUNG CẤP**

(Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên)

SỞ Y TẾ ĐỒNG THÁP
BỆNH VIỆN
PHỤ SẢN TIỀN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số /HĐ-BVPSTG

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2026

HỢP ĐỒNG
Mua bán trang phục y tế

Căn cứ Bộ luật Dân sự ngày 24 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Luật Thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Quyết định số 81/2025/QĐ-UBND ngày 12/9/2025 của Ủy ban nhân dân Tỉnh quy định, chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang thuộc Sở Y tế tỉnh Đồng Tháp;

Căn cứ Quyết định số 210/QĐ-BVPSTG ngày 08/4/2026 của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang ban hành Quy định Mua sắm theo hình thức tự quyết định việc mua sắm;

Căn cứ Quyết định số .../QĐ-BVPSTG ngày .../.../2026 của Giám đốc Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang phê duyệt kết quả lựa chọn Nhà cung cấp.

Dựa trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng và thỏa thuận trực tiếp giữa hai bên phù hợp với nhu cầu và khả năng thực tế.

Hôm nay, ngày tháng năm 2026, tại Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, chúng tôi gồm có:

Bên mua (Bên A): Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang

Địa chỉ: Số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp

Đại diện: Ông Phạm Văn Lực; Chức vụ: Giám đốc

Điện thoại: 02733 887 160

Mã số thuế: 1200530091

Tài khoản số: [Số tài khoản] tại Ngân hàng [Tên ngân hàng]

Bên bán (Bên B): [TÊN CÔNG TY BÁN]

Địa chỉ: [Địa chỉ công ty]

Đại diện: Ông/Bà [Tên người đại diện]; Chức vụ: [Giám đốc/Người đại diện hợp pháp]

Điện thoại: [Số điện thoại]

Mã số thuế: [Mã số thuế]

Tài khoản số: [Số tài khoản] tại Ngân hàng [Tên ngân hàng]

Sau khi bàn bạc, hai bên thống nhất ký kết hợp đồng mua bán hàng hóa với các điều khoản sau:

Điều 1. Đối tượng hợp đồng

Bên B đồng ý bán cho Bên A và Bên A đồng ý mua của Bên B các loại hàng hóa với chi tiết theo Phụ lục đính kèm. Phụ lục là thành phần không tách rời Hợp đồng này.

Ghi chú: Bên B phải cung cấp đúng chủng loại và thông số kỹ thuật như đã mô tả tại bảng trên và Báo giá kèm theo.

Bên A **không chấp nhận** các hàng hóa thay đổi về chủng loại hoặc thông số kỹ thuật trừ khi có văn bản đồng ý trước của Giám đốc Bệnh viện.

Mọi sai lệch về quy cách so với Hợp đồng này được coi là vi phạm nghiêm trọng và Bên A có quyền từ chối nhận hàng mà không chịu bất kỳ chi phí nào.

1.2. Tiêu chuẩn xác lập: Hai bên thống nhất rằng việc mua sắm này được thực hiện theo quy trình tự quyết định nội bộ của Bên A, dựa trên sự phù hợp về kỹ thuật và hiệu quả kinh tế do hai bên tự thỏa thuận.

Điều 2. Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán

2.1. Tổng giá trị hợp đồng: [Tổng giá trị bằng số] VNĐ

(*Bằng chữ: [Tổng giá trị bằng chữ]*).

2.2. Giá trị trên đã bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT), chi phí vận chuyển, bốc xếp, giao hàng tại kho của Bên A và các loại thuế, phí khác (nếu có).

2.3. Phương thức thanh toán: Chuyển khoản.

2.4. Thời hạn thanh toán: Bên A thanh toán cho Bên B 100% giá trị hợp đồng, trong vòng 30 ngày làm việc kể từ ngày Bên A nhận đủ bộ hồ sơ thanh toán hợp lệ, bao gồm:

- a) Biên bản giao nhận, nghiệm thu hàng hóa có chữ ký của đại diện hai bên.
- b) Hóa đơn giá trị gia tăng hợp lệ.
- c) Giấy tờ chứng nhận chất lượng của hàng hóa (nếu có).

Điều 3. Chất lượng và quy cách hàng hóa

3.1. Bên B cam kết hàng hóa mới 100%, chưa qua sử dụng, đúng chủng loại, quy cách, xuất xứ, và thông số kỹ thuật như đã nêu tại Điều 1.

3.2. Hạn sử dụng của hàng hóa (nếu có) phải còn ít nhất 3/4 tổng thời hạn sử dụng kể từ ngày giao hàng.

3.3. Hàng hóa phải được đóng gói theo tiêu chuẩn của nhà sản xuất, đảm bảo an toàn trong quá trình vận chuyển.

3.4. Bên B có trách nhiệm cung cấp tài liệu chứng minh nguồn gốc, chất lượng (CO, CQ, tờ khai hải quan đối với hàng nhập khẩu) cho từng lô hàng khi

giao hàng.

3.5. Bên A có quyền từ chối nhận hàng hóa nếu không đúng kỹ thuật.

Điều 4. Thời gian, địa điểm và phương thức giao nhận

4.1. Thời gian giao hàng: Trong vòng [số ngày] ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.

4.2. Địa điểm giao hàng: Phòng Tổ chức-Hành chính Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang, số 4A Hùng Vương, phường Mỹ Tho, tỉnh Đồng Tháp.

4.3. Phương thức giao nhận: Bên B có trách nhiệm vận chuyển và giao hàng tận nơi cho Bên A. Chi phí vận chuyển, bốc xếp do Bên B chịu.

4.4. Khi giao hàng, hai bên sẽ tiến hành kiểm tra thực tế, đối chiếu số lượng, chất lượng và ký vào biên bản giao nhận. Biên bản này là cơ sở cho việc nghiệm thu và thanh toán.

Điều 5. Quyền và nghĩa vụ của các bên

5.1. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

a) Yêu cầu Bên B giao hàng đúng chất lượng, số lượng, thời gian và địa điểm đã thỏa thuận.

b) Kiểm tra hàng hóa khi nhận. Có quyền từ chối nhận hàng nếu hàng hóa không đúng với các điều khoản trong hợp đồng.

c) Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho Bên B theo Điều 2 của hợp đồng.

5.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

a) Yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn.

b) Trong thời hạn [Số ngày, ví dụ: 05 hoặc 07] ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực, Bên B có trách nhiệm cử nhân sự phối hợp với Phòng Tổ chức - Hành chính của Bên A để trực tiếp tiến hành lấy số đo, thông số kích thước chi tiết cho từng nhân viên của Bên A theo đúng Danh sách đính kèm hợp đồng.

- Bên B phải chịu hoàn toàn trách nhiệm và chi phí sửa chữa hoặc may mới lại nếu sản phẩm trang phục sau khi bàn giao không đúng với số đo đã thực hiện thực tế, hoặc không vừa vặn làm ảnh hưởng đến quá trình làm việc của nhân viên Bên A.

- Chi phí nhân sự và các chi phí phát sinh phục vụ công tác lấy số đo thực tế tại viện đã được tính trọn gói trong Giá trị hợp đồng, Bên A không thanh toán thêm bất kỳ khoản chi phí phát sinh nào ngoài hợp đồng."

c) Cung cấp hàng hóa đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, số lượng như đã cam kết.

d) Chịu mọi trách nhiệm về nguồn gốc và chất lượng của hàng hóa đã cung cấp.

e) Cung cấp đầy đủ hồ sơ, chứng từ hợp lệ cho Bên A để làm thủ tục thanh toán.

Điều 6. Bảo hành

1. Bên B có trách nhiệm bảo hành toàn bộ hàng hóa đã cung cấp cho Bên A trong thời gian [số tháng, ví dụ: 12] tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu.

Trong thời gian bảo hành, nếu hàng hóa có lỗi do nhà sản xuất, Bên B phải tiến hành đổi mới hoặc sửa chữa miễn phí cho Bên A trong vòng [số ngày] ngày.

2. Bảo lãnh bảo hành: Giữ lại **5%** giá trị hợp đồng cho đến khi hết thời hạn bảo hành.

Điều 7. Phạt vi phạm hợp đồng

7.1. Nếu Bên B giao hàng chậm tiến độ, Bên B sẽ bị phạt [tỷ lệ %] giá trị phần hợp đồng bị vi phạm cho mỗi ngày chậm trễ, nhưng tổng số tiền phạt không quá [tỷ lệ %] tổng giá trị hợp đồng.

7.2. Nếu Bên B giao hàng không đúng chất lượng, chủng loại, Bên A có quyền từ chối nhận hàng và yêu cầu Bên B giao lại hàng đúng theo hợp đồng. Mọi chi phí phát sinh do Bên B chịu. Nếu Bên B không thể khắc phục trong vòng **05 ngày làm việc**, Bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

7.3. Nếu Bên A chậm thanh toán, Bên A sẽ bị phạt lãi chậm trả theo lãi suất của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm thanh toán.

Điều 8. Bất khả kháng

Không bên nào phải chịu trách nhiệm cho việc không thực hiện hoặc chậm trễ thực hiện nghĩa vụ của mình nếu việc đó là do các sự kiện bất khả kháng (thiên tai, chiến tranh, dịch bệnh...). Bên bị ảnh hưởng phải thông báo ngay cho bên kia và tìm cách khắc phục.

Điều 9. Giải quyết tranh chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này sẽ được hai bên giải quyết trước hết bằng thương lượng. Nếu không thể thương lượng, vụ việc sẽ được đưa ra Tòa án nhân dân có thẩm quyền tại tỉnh Đồng Tháp để giải quyết. Phán quyết của Tòa án là cuối cùng và ràng buộc các bên.

Điều 10. Điều khoản chung

10.1. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký.

10.2. Mọi sửa đổi, bổ sung hợp đồng phải được lập thành văn bản và có chữ ký của đại diện hai bên.

10.3. Hợp đồng được lập thành 04 (bốn) bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 (hai) bản, Bên B giữ 02 (hai) bản.

10.4. Tính độc lập của thỏa thuận: Hợp đồng này được xác lập dựa trên quyền tự chủ trong mua sắm vốn hợp pháp của Bên A. Mọi quyền và nghĩa vụ của các bên được điều chỉnh trực tiếp bởi các điều khoản trong Hợp đồng này, Bộ luật

Dân sự và Luật Thương mại, không bị ràng buộc bởi các quy trình lựa chọn nhà thầu theo luật định khác trừ khi hai bên có thỏa thuận bằng văn bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

Phụ lục này đính kèm theo Hợp đồng mua bán số /HD-BVPSTG ngày / /2026 của Bệnh viện Phụ sản Tiền Giang

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
1	Trang phục hành chính	Bộ	60	<p>a) Áo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng hoặc màu sáng; - Chất liệu: Kate bambo cao cấp; - Kiểu dáng: Áo sơ mi cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay. - Vải áo trung bình: 1,6 mét <p>Thông số trung bình áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 73 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 60 cm - Mông: 97 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M2): 107,8 (±1). + Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): 472 (±1) x 316 (±1) + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4-5 + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 100%. <p>b) Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu đen, xanh đen hoặc màu sậm - Chất liệu: Cashmere - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Vải quần trung bình: 1,1 mét <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<ul style="list-style-type: none"> - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 285,1 (±1). + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 735(±1) x 336(±1) + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): chiều dọc (-0,4) (±0,1), chiều ngang (-0,5) (±0,1). + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4-5 + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 77,8 (±1) %; Rayon: 19,5 (±1) %; Spandex: 2,7 (±1) %. - Đối với nữ: chân váy kiểu jupe, tối thiểu dài ngang gối. - Màu sắc: Màu đen, xanh đen hoặc màu sậm - Chất liệu: Cashmere Thông số trung bình váy hành chính nữ: - Dài váy: 65 cm - Lung: 76 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 285,1 (±1). + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 735(±1) x 336(±1) + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (dọc x ngang): chiều dọc (-0,4) (±0,1), chiều ngang (-0,5) (±0,1). + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4-5 + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 77,8 (±1) %; Rayon: 19,5 (±1) %; Spandex: 2,7 (±1) %. 		
2	Trang phục bảo vệ	Bộ	06	<p>a) Áo</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh hòa bình; - Chất liệu: Kate ford 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>- Kiểu dáng: Áo cổ đực, cài cúc giữa, có nẹp cầu vai, ngắn tay, gấu tay có măng xéc hoặc lơ vê, 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>- Vải áo trung bình: 1,7 mét</p> <p>Thông số trung bình áo bảo vệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 73 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 23 cm - Mông: 97 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M2): 166,3 (±1) + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (±1) x 272 (±1) + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5 + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 65,7 (±1) %; Cotton: 34,3 (±1) % + Hàm lượng Formaldehyde (PPM): Không phát hiện <p>b) Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh đen; - Chất liệu: Kaki loại I - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Vải quần trung bình: 1,1 mét <p>Thông số trung bình quần bảo vệ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M2): 313,2 (± 1).</p> <p>+ Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): 740 (± 1) x 356 (± 1)</p> <p>+ Độ sẵn sợi tách ra từ vải (X/M) (đọc x ngang): 888/S (± 1) x 894/Z (± 1)</p> <p>+ Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) (đọc x ngang): 22,5 (± 1) x 24,8 (± 1)</p> <p>+ Độ bền xé rách (N) (đọc x ngang): 105,7 (± 1) x 32,6 (± 1)</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%) (đọc x ngang): (-0,2) (± 1) x (-1,0) (± 1)</p> <p>c) Nón: kiểu kê pi màu xanh đen</p>		
3	Trang phục bảo trì, tài xế	Bộ	14	<p>a) Áo</p> <p>- Màu sắc: Màu xanh đen;</p> <p>- Chất liệu: Kate Nhật</p> <p>- Kiểu dáng: Áo kiểu bu đông, cổ đực, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, gấu tay măng xéc hoặc lơ vê, có nẹp cầu vai, phía trước có 2 túi có nắp, có khuy cài biển tên trên ngực trái.</p> <p>- Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>- Vải áo trung bình: 1,7 mét</p> <p>Thông số trung bình áo:</p> <p>- Dài áo: 73 cm</p> <p>- Ngang vai: 42 cm</p> <p>- Ngực: 87 cm</p> <p>- Dài tay: 53 cm</p> <p>- Mông: 97 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M2): 172,2 (± 1).</p> <p>+ Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (± 1) x 283 (± 1)</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%) (đọc x ngang): chiều dọc (-0,7) ($\pm 0,1$), chiều ngang (-0,6) ($\pm 0,1$).</p> <p>+ Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4-5</p>		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>+ Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 68,5 (±1) %; Cotton 31,5 (±1) %.</p> <p>b) Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh đen; - Chất liệu: Kaki loại I - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, có 1 túi sau. - Vải quần trung bình: 1,1 mét <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M2): 313,2 (±1). + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 740 (±1) x 356 (±1) + Độ săn sợi tách ra từ vải (X/M) (dọc x ngang): 888/S (±1) x 894/Z (±1) + Độ nhỏ sợi tách ra từ vải (Ne) (dọc x ngang): 22,5 (±1) x 24,8 (±1) + Độ bền xé rách (N) (dọc x ngang): 105,7 (±1) x 32,6 (±1) + Sự thay đổi kích thước qua hơi tự do (%) (dọc x ngang): (-0,2) (±1) x (-1,0) (±1) 		
4	Trang phục bác sĩ	Bộ	82	<p>a) Áo Blouse:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Áo blouse cổ bẻ Danton, cài cúc giữa, dài tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang mông. 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vải trung bình: 2,4 mét <p>Thông số áo trung bình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 96 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 53 cm - Mông: 97 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) <p>b) Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Màu sắc: Màu trắng; + Chất liệu: Kaki thun; + Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p>		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				+ Khối lượng vải (G/M ²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.		
5	Trang phục Kỹ thuật viên, Cử nhân Hộ sinh, Cử nhân Điều dưỡng, Công tác xã hội	Bộ	89	a) Áo - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Thêu logo BVPSTG bên ngực trái. - Vải áo trung bình: 1,7 mét Thông số trung bình áo - Dài áo: 86 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 53 cm - Hông: 97 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M ²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1)		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>b) Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Vải quần trung bình: 1,1 mét <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>		
6	Trang phục Cao đẳng Hộ sinh, Cao đẳng Điều dưỡng, Hộ	Bộ	73	<p>a) Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: <ul style="list-style-type: none"> + Áo cổ 2 ve, cài cúc giữa, ngắn tay hoặc dài tay, chiều dài áo ngang mông, phía trước có 2 túi, có khuy cài biên tên trên ngực trái; + Túi áo, tay áo và cổ áo có viền xanh dương, viền rộng 0,5 cm. 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	sinh trung học			<p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>- Vải áo trung bình: 1,7 mét</p> <p>Thông số trung bình áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 72 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 23 cm - Mông: 97 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) <p>b) Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo <p>- Vải quần trung bình: 1,1 mét</p> <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1)</p> <p>+ Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1).</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1).</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5.</p> <p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1)</p> <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>		
7	Trang phục được sĩ	Bộ	20	<p>a) Áo</p> <p>- Màu sắc: Màu trắng;</p> <p>- Chất liệu: Kaki thun;</p> <p>- Kiểu dáng: Áo blouse, cổ 2 ve, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang gối, phía trước có 3 túi, có khuy cài bên tên trên ngực trái, phía sau xẻ giữa tới ngang hông.</p> <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>- Vải áo trung bình: 2,2 mét</p> <p>Thông số trung bình áo Được:</p> <p>- Dài áo: 96 cm</p> <p>- Ngang vai: 42 cm</p> <p>- Ngực: 87 cm</p> <p>- Dài tay: 53 cm</p> <p>- Hông: 97 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1)</p> <p>+ Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1).</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1).</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5.</p>		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1)</p> <p>b) Quần</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. - Vải quần trung bình: 1,1 mét <p>Thông số trung bình quần Được sĩ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1) <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>		
8	Trang phục Khu vực phẫu thuật gây mê hồi sức, trung	Bộ	42	<p>Vải trung bình một bộ: 2,6 mét</p> <p>a) Áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Màu xanh cỏ vịt; - Chất liệu: Cotton lạnh loại I; 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	tâm tiết khuôn			<p>- Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, chui đầu, ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Thêu logo BVPSTG bên ngực trái. Thông số trung bình mặc bên trong áo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài áo: 70 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 23 cm - Hông: 97 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 252,7 (± 1) + Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 495 (± 1) x 380 (± 1) + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-0,3) ($\pm 0,1$), chiều ngang (0,0) ($\pm 0,1$). <p>b) Quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Màu sắc: Xanh cổ vịt; - Chất liệu: Cotton lạnh - Kiểu dáng: Quần âu 2 ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. <p>Thông số trung bình quần:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Hông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 252,7 (± 1) 		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				+ Mật độ (dọc x ngang) (sợi/10 cm): 495 (± 1) x 380 (± 1) + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-0,3) ($\pm 0,1$), chiều ngang (0,0) ($\pm 0,1$). c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.		
9	Trang phục dinh dưỡng	Bộ	02	Vải trung bình một bộ: 2,6 mét a) Áo - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun; - Kiểu dáng: Áo cổ chữ U, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang hông, phía trước có 3 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái. Thông số trung bình áo: - Dài áo: 70 cm - Ngang vai: 42 cm - Ngực: 87 cm - Dài tay: 53 cm - Mông: 97 cm Thêu logo BVPSTG bên ngực trái. - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M ²): 247,3 (± 1) + Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (± 1), ngang: 337 (± 1). + Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) ($\pm 0,1$), chiều ngang (-0,1) ($\pm 0,1$). + Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5. + Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (± 1); Rayon 21,9 (± 1); Spandex 2,5 (± 1) Thêu logo BVPSTG bên ngực trái. b) Quần - Màu sắc: Màu trắng; - Chất liệu: Kaki thun;		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>- Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo</p> <p>Thông số trung bình quần:</p> <p>- Dài quần: 97 cm</p> <p>- Lưng: 78 cm</p> <p>- Mông: 97 cm</p> <p>- Đùi: 55 cm</p> <p>- Đáy: 62 cm</p> <p>- Ống: 18 cm</p> <p>- Tiêu chuẩn kỹ thuật vải:</p> <p>+ Khối lượng vải (G/M²): 247,3 (±1)</p> <p>+ Mật độ(sợi/10 cm): dọc 460 (±1), ngang: 337 (±1).</p> <p>+ Sự thay đổi kích thước sau giặt và làm khô ở 40°C (%): chiều dọc (-1,1) (±0,1), chiều ngang (-0,1) (±0,1).</p> <p>+ Độ bền màu giặt ở 40°C (phai màu - cấp): 4-5.</p> <p>+ Định tính và định lượng nguyên liệu (%): Polyester 75,6 (±1); Rayon 21,9 (±1); Spandex 2,5 (±1)</p> <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>		
10	Trang phục nhà giặt	Bộ	18	<p>Vải trung bình một bộ: 2,6 mét</p> <p>a) Áo</p> <p>- Màu sắc: Màu xanh hòa bình;</p> <p>- Chất liệu: Kate Ford.</p> <p>- Kiểu dáng: Áo cổ trái tim, cài cúc giữa, dài tay hoặc ngắn tay, chiều dài áo ngang mông; phía trước có 2 túi, có khuy cài biển tên trên ngực trái.</p> <p>Thêu logo BVPSTG bên ngực trái.</p> <p>Thông số trung bình áo:</p> <p>- Dài áo: 70 cm</p> <p>- Ngang vai: 42 cm</p> <p>- Ngực: 87 cm</p>		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
				<p>- Dài tay: 53 cm - Mông: 97 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 166,3 (±1) + Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (±1) x 272 (±1) + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5 + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 65,7 (±1) %; Cotton: 34,3 (±1) % + Hàm lượng Formaldehyde (PPM): Không phát hiện</p> <p>b) Quần - Màu sắc: Màu xanh hòa bình; - Chất liệu: Kate Ford. - Kiểu dáng: Quần âu hai ly, 2 túi chéo, quần nam có 1 túi sau. Thông số trung bình quần: - Dài quần: 97 cm - Lưng: 78 cm - Mông: 97 cm - Đùi: 55 cm - Đáy: 62 cm - Ống: 18 cm - Tiêu chuẩn kỹ thuật vải: + Khối lượng vải (G/M2): 166,3 (±1) + Mật độ (đọc x ngang) (sợi/10 cm): 280 (±1) x 272 (±1) + Độ bền màu ở 40°C (cấp): Phai màu cấp: 4 – 5 + Định lượng và định tính nguyên liệu (%): Polyester: 65,7 (±1) %; Cotton: 34,3 (±1) % + Hàm lượng Formaldehyde (PPM): Không phát hiện</p> <p>c) Nón: Theo chất liệu, màu sắc của áo.</p>		

Stt	Tên hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Yêu cầu kỹ thuật cơ bản	Đơn giá (VNĐ)	Thành tiền (VNĐ)
	Tổng cộng	Bộ	406			